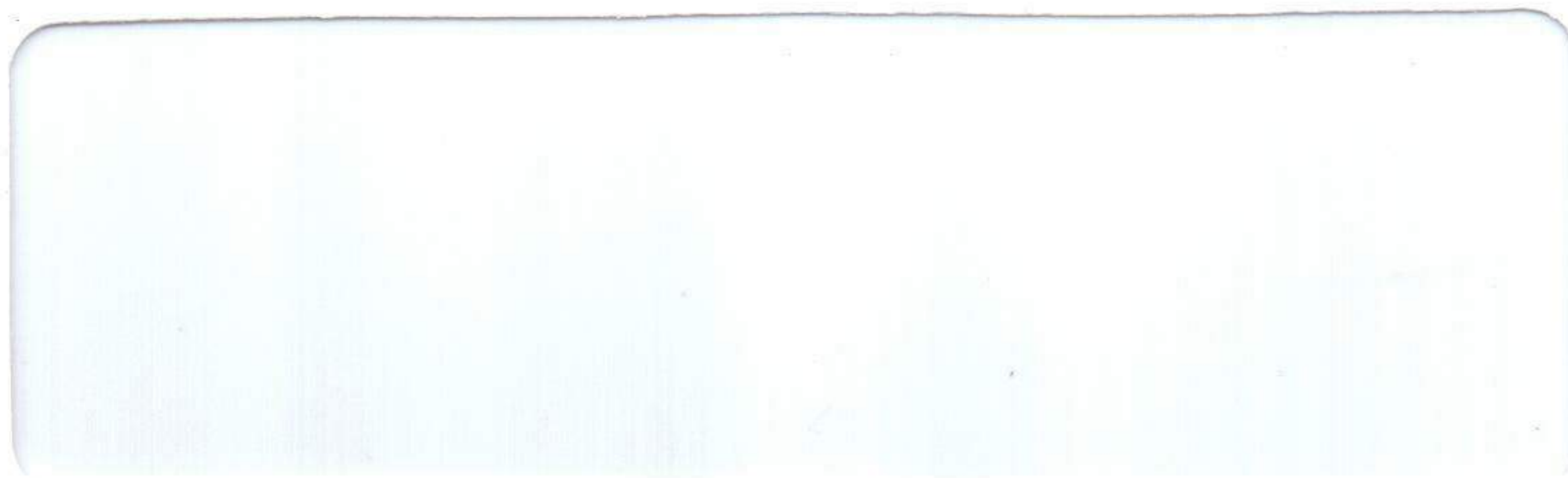


**AASCN**



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO.,LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84-8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-8) 3910 4880  
CN Hà Nội: Số 15, ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84-4) 3793 1428 / Fax: (84-4) 3793 1429

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*  
*đã được soát xét*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được soát xét</b>	<b>5 – 40</b>
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 – 40

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 13 với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 339.354.060.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 40).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;
Ông Ngô Văn Hân	Ủy viên;
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;
Ông Bùi Văn Kiên	Ủy viên;
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng tài chính kế toán đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Tiêu Phi Quang	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Phạm Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Ngô Văn Hân	Trưởng phòng tài chính kế toán.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Hữu**

Số : 280./2016/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT được lập ngày 01 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

#### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

#### Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.810.530.649.551</b>	<b>1.646.876.703.693</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>14.841.656.903</b>	<b>22.039.988.783</b>
1.	Tiền	111	V.01	11.221.656.903	18.419.988.783
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.620.000.000	3.620.000.000
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		350.000.000	350.000.000
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.551.254.036</b>	<b>76.889.015.356</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	13.811.006.849	19.058.527.592
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33.218.622.818	37.370.200.238
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	11.325.500.000	14.325.500.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	12.075.812.706	10.014.475.863
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.879.688.337)	(3.879.688.337)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>1.686.328.241.473</b>	<b>1.509.933.391.634</b>
1.	Hàng tồn kho	141		1.687.457.602.387	1.511.062.752.548
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.129.360.914)	(1.129.360.914)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>42.459.497.139</b>	<b>37.664.307.920</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	3.200.246.967	4.210.928.067
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.642.443.640	33.453.379.853
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.616.806.532	0
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>451.476.623.971</b>	<b>285.139.285.543</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	0	0
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	0	0
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	0	0
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>226.360.768.564</b>	<b>40.112.330.497</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	176.360.768.564	40.107.616.747
	- Nguyên giá	222		272.391.971.369	132.363.246.034
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(96.031.202.805)	(92.255.629.287)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50.000.000.000	4.713.750
	- Nguyên giá	228		50.088.939.000	88.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(88.939.000)	(84.225.250)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.08</b>	<b>118.355.085.087</b>	<b>191.248.215.076</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		118.355.085.087	191.248.215.076
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>80.861.513.601</b>	<b>32.623.283.976</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		80.861.085.801	32.622.842.976
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.073.530	1.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(645.730)	(632.530)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.899.256.719</b>	<b>21.155.455.994</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	25.899.256.719	21.155.455.994
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.262.007.273.522</b>	<b>1.932.015.989.236</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.861.759.342.739</b>	<b>1.550.923.985.917</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.835.938.942.739</b>	<b>1.523.803.585.917</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	561.075.025.694	233.031.591.378
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		62.029.236.165	133.006.113.697
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	16.313.959.549	19.346.727.585
4.	Phải trả người lao động	314		3.945.583.900	4.283.707.400
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	18.480.040.977	9.443.733.935
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4.877.132.950	4.672.161.700
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	1.155.350.665.528	1.116.509.809.836
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	1.500.000.000	0
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.367.297.976	3.509.740.386
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.820.400.000</b>	<b>27.120.400.000</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	15.910.400.000	15.010.400.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	9.910.000.000	12.110.000.000
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>400.247.930.783</b>	<b>381.092.003.319</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>400.247.930.783</b>	<b>381.092.003.319</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.354.060.000	308.391.170.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.354.060.000	308.391.170.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		360.727.500	360.727.500
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		14.494.047.009	5.162.814.619
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.236.859.534	75.375.054.460
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		7.087.234.901	0
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		47.149.624.633	75.375.054.460
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.262.007.273.522</b>	<b>1.932.015.989.236</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Loan



Ngô Văn Hân




Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>1.452.437.555.948</b>	<b>1.938.069.510.036</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	295.454.545	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.03</b>	<b>1.452.142.101.403</b>	<b>1.938.069.510.036</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	1.270.992.036.117	1.669.939.495.724
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>181.150.065.286</b>	<b>268.130.014.312</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	2.012.816.644	3.023.863.587
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	50.984.940.720	28.860.220.099
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		48.790.789.671	10.651.155.285
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.09	47.678.358.933	34.426.835.391
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.09	25.582.208.128	26.990.342.007
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>58.917.374.149</b>	<b>180.876.480.402</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	617.657.612	76.277.075
12.	Chi phí khác	32	VI.08	178.233.608	2.127.331.660
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>439.424.004</b>	<b>(2.051.054.585)</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>59.356.798.153</b>	<b>178.825.425.817</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	12.207.173.520	35.875.004.496
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>47.149.624.633</b>	<b>142.950.421.321</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc






Hoàng Thị Loan

Ngô Văn Hân

Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.447.627.678.102	2.158.460.963.689
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(986.345.345.879)	(1.742.345.429.354)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(42.073.173.600)	(37.127.603.001)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(48.093.128.134)	(10.651.155.285)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(19.032.278.221)	(12.602.937.857)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.519.528.629	45.536.581.945
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(243.663.789.367)	(376.171.997.315)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>124.939.491.530</b>	<b>25.098.422.822</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(123.868.920.759)	(6.490.227.237)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		136.363.636	0
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.370.000.000)	(10.350.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.370.000.000	0
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(48.238.242.825)	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		192.120.846	138.956.686
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(168.778.679.102)</b>	<b>(16.701.270.551)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.218.218.082.207	2.029.120.066.681
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.181.577.226.515)	(2.055.799.230.979)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>36.640.855.692</b>	<b>(26.679.164.298)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(7.198.331.880)</b>	<b>(18.282.012.027)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>22.039.988.783</b>	<b>37.341.062.398</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>14.841.656.903</b>	<b>19.059.050.371</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc






Hoàng Thị Loan

Ngô Văn Hân

Bùi Văn Hữu

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, xây dựng và thương mại.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách Công ty con gồm:

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tổ dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

**06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2015.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư vào Công ty con***

***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**04. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**05. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

#### 08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

### ***Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa***

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở phí bảo hành cam kết với khách hàng. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

## **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

#### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua, lãi mua hàng trả chậm;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.432.751.195	16.245.370
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.788.905.708	18.403.743.413
- Tiền đang chuyển	0	0
<b>Cộng</b>	<b><u>11.221.656.903</u></b>	<b><u>18.419.988.783</u></b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b><u>350.000.000</u></b>	<b><u>350.000.000</u></b>	<b><u>350.000.000</u></b>	<b><u>350.000.000</u></b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>350.000.000</u></b>	<b><u>350.000.000</u></b>	<b><u>350.000.000</u></b>	<b><u>350.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>80.861.085.801</b>	<b>0</b>	<b>32.622.842.976</b>	<b>0</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	45.770.815.000	0	16.249.995.000	0
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	35.090.270.801	0	16.372.847.976	0
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>1.073.530</b>	<b>(645.730)</b>	<b>1.073.530</b>	<b>(632.530)</b>
- Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POT)	679.000	(319.000)	679.000	(316.600)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	(326.730)	394.530	(315.930)
<b>Cộng</b>	<b>80.862.159.331</b>	<b>(645.730)</b>	<b>32.623.916.506</b>	<b>(632.530)</b>

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/6/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	57,06%	57,06%	Dịch vụ vận tải, sửa chữa, kinh doanh ô tô
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tô dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	89,28%	89,28%	Sản xuất SP cơ khí, kết cấu thép, xây dựng... phục vụ giao thông

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con trong kỳ:

<i>Nội dung</i>	<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8</i>	<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4</i>
Góp vốn đầu tư	29.520.820.000	18.717.422.825
Doanh thu bán hàng		
- Bán ô tô	44.147.570.453	0
Mua nguyên vật liệu, dịch vụ		
- Đóng thùng xe ô tô	0	23.301.238.244
- Dịch vụ vận chuyển	17.239.217.613	0
Cho vay	0	7.020.000.000
Thu tiền cho vay	3.000.000.000	7.020.000.000
Lãi cho vay	18.208.333	202.115.697
Vay ngắn hạn	48.000.000.000	0
Lãi đi vay	615.452.055	0
Trả chiết khấu thanh toán	28.000.000	0
Thu phạt giao hàng chậm	0	246.400.000

**03. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>13.811.006.849</b>	<b>19.058.527.592</b>
- Công ty Cổ phần AIA Hà Nội	6.472.012.000	6.268.739.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	-	5.746.954.226
- Ban quản lý dự án 3	4.628.694.187	4.628.694.187
- Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	1.153.174.909	1.305.174.909
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	1.557.125.753	1.108.965.270
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>13.811.006.849</b>	<b>19.058.527.592</b>

**c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Công ty con	-	5.746.954.226
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Công ty con	1.153.174.909	1.305.174.909
<b>Cộng</b>		<b>1.153.174.909</b>	<b>7.052.129.135</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>11.325.500.000</b>	<b>0</b>	<b>14.325.500.000</b>	<b>0</b>
- Cho cán bộ công nhân viên vay <sup>(a)</sup>	11.325.500.000	0	11.325.500.000	0
- Cho Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 vay <sup>(b)</sup>	0	0	3.000.000.000	0
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>11.325.500.000</b>	<b>0</b>	<b>14.325.500.000</b>	<b>0</b>

(a) Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

(b) Khoản cho Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 vay theo hợp đồng ngày 25 tháng 12 năm 2015 với lãi suất 9,5%/năm, kỳ hạn 06 tháng.

**05. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>12.075.812.706</b>	<b>(3.836.585.962)</b>	<b>10.014.475.863</b>	<b>(3.836.585.962)</b>
- Phải thu về cổ phần hoá	0	0	0	0
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	0	0	0	0
- Phải thu của người lao động	0	0	0	0
- Tạm ứng	961.304.214	0	825.203.632	0
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.522.978.934	0	2.280.534.064	0
- Phải thu khác	7.591.529.558	(3.836.585.962)	6.908.738.167	(3.836.585.962)
+ Lãi dự thu về cho vay	1.977.548.403	0	1.302.753.751	0
+ Phải thu ông Phạm Văn Công	3.000.500.000	(3.000.500.000)	3.000.500.000	(3.000.500.000)
+ Phải thu các đối tượng khác	2.613.481.155	(836.085.962)	2.605.484.416	(836.085.962)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>12.075.812.706</b>	<b>(3.836.585.962)</b>	<b>10.014.475.863</b>	<b>(3.836.585.962)</b>

**c. Phải thu khác là các bên liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Công ty con	0	0
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Công ty con	1.325.310.303	1.131.849.401
<b>Cộng</b>		<b>1.325.310.303</b>	<b>1.131.849.401</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ông Phạm Văn Công	3.000.500.000	0	3.000.500.000	0
- Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	0	500.000.000	0
- Các đối tượng khác	379.188.337	0	379.188.337	0
<b>Cộng</b>	<b>3.879.688.337</b>	<b>0</b>	<b>3.879.688.337</b>	<b>0</b>

**07. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	486.123.409	0	14.907.167.181	0
- Nguyên liệu, vật liệu	243.664.001.492	(1.129.360.914)	237.737.178.011	(1.129.360.914)
- Công cụ, dụng cụ	14.500.000	0	14.500.000	0
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	199.180.444.487	0	76.256.700.530	0
- Thành phẩm	533.413.552.739	0	425.630.202.135	0
- Hàng hoá	111.678.041.348	0	189.580.689.321	0
- Hàng gửi bán	599.020.938.912	0	566.936.315.370	0
<b>Cộng</b>	<b>1.687.457.602.387</b>	<b>(1.129.360.914)</b>	<b>1.511.062.752.548</b>	<b>(1.129.360.914)</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 522.120.415.000 đồng.

**08. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm	0	0
- Xây dựng cơ bản	118.355.085.087	191.248.215.076
+ Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô	118.355.085.087	191.248.215.076
<b>Cộng</b>	<b>118.355.085.087</b>	<b>191.248.215.076</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>70.242.258.201</b>	<b>32.441.286.813</b>	<b>24.433.241.052</b>	<b>1.198.279.240</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>132.363.246.034</b>
- Mua trong kỳ	29.409.090.909	4.133.764.906	0	0	0	33.542.855.815
- Đầu tư XDCB hoàn thành	22.833.149.190	85.131.462.680	0	0	0	107.964.611.870
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	(1.478.742.350)	0	0	(1.478.742.350)
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>122.484.498.300</b>	<b>121.706.514.399</b>	<b>22.954.498.702</b>	<b>1.198.279.240</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>272.391.971.369</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>45.192.006.065</b>	<b>30.098.640.744</b>	<b>11.718.522.510</b>	<b>1.198.279.240</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>92.255.629.287</b>
- Khấu hao trong kỳ	1.793.291.075	2.773.242.315	687.782.478	0	0	5.254.315.868
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	(1.478.742.350)	0	0	(1.478.742.350)
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>46.985.297.140</b>	<b>32.871.883.059</b>	<b>10.927.562.638</b>	<b>1.198.279.240</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>96.031.202.805</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>25.050.252.136</b>	<b>2.342.646.069</b>	<b>12.714.718.542</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>40.107.616.747</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>75.499.201.160</b>	<b>88.834.631.340</b>	<b>12.026.936.064</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>176.360.768.564</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 75.687.682.492 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 55.831.037.748 đồng và 21.873.311.514 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>0</b>	<b>88.939.000</b>	<b>88.939.000</b>
- Mua trong kỳ	50.000.000.000	0	50.000.000.000
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>88.939.000</b>	<b>50.088.939.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>0</b>	<b>84.225.250</b>	<b>84.225.250</b>
- Khấu hao trong kỳ	0	4.713.750	4.713.750
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>0</b>	<b>88.939.000</b>	<b>88.939.000</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>0</b>	<b>4.713.750</b>	<b>4.713.750</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>50.000.000.000</b>

(\*): Là quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 698, 699 tờ bản đồ số 8 xã Tân Thới Hiệp H.HM phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

**11. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.200.246.967</b>	<b>4.210.928.067</b>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	325.305.463	1.061.429.640
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	386.259.742	0
- Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	1.339.852.676	2.593.060.905
- Chi phí bảo hiểm hàng hóa	879.370.415	0
- Các khoản khác	269.458.671	556.437.522
<b>b. Dài hạn</b>	<b>25.899.256.719</b>	<b>21.155.455.994</b>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.166.142.493	2.164.218.505
- Chi phí sửa chữa	4.017.451.981	3.583.583.071
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	14.731.554.631	14.933.580.276
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4.984.107.614	474.074.142
<b>Cộng</b>	<b>29.099.503.686</b>	<b>25.366.384.061</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Đơn vị tính: VND				
	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
<b>12. Vay và nợ thuê tài chính</b>					
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>1.116.509.809.836</b>	<b>1.116.509.809.836</b>	<b>1.220.418.082.207</b>	<b>1.181.577.226.515</b>	<b>1.155.350.665.528</b>
- Vay ngân hàng	1.074.909.809.836	1.074.909.809.836	1.141.148.082.207	1.132.207.226.515	1.083.850.665.528
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(a)</sup>	387.796.155.259	387.796.155.259	173.501.682.504	267.615.379.029	293.682.458.734
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(b)</sup>	482.477.664.284	482.477.664.284	635.040.493.877	576.581.843.488	540.936.314.673
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh <sup>(c)</sup>	35.282.312.000	35.282.312.000	14.518.000.000	35.282.312.000	14.518.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(d)</sup>	60.472.564.243	60.472.564.243	109.359.865.055	75.574.968.170	94.257.461.128
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(e)</sup>	108.881.114.050	108.881.114.050	54.661.502.200	163.542.616.250	0
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(f)</sup>	0	0	69.403.998.571	13.610.107.578	55.793.890.993
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <sup>(g)</sup>	0	0	84.662.540.000	0	84.662.540.000
- Vay đối tượng khác	37.200.000.000	37.200.000.000	77.070.000.000	47.170.000.000	67.100.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 <sup>(h)</sup>	0	0	48.000.000.000	0	48.000.000.000
+ Ông Bùi Văn Hữu <sup>(i)</sup>	37.200.000.000	37.200.000.000	29.070.000.000	47.170.000.000	19.100.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	4.400.000.000	4.400.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(k)</sup>	4.400.000.000	4.400.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>12.110.000.000</b>	<b>12.110.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>9.910.000.000</b>	<b>9.910.000.000</b>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(k)</sup>	12.110.000.000	12.110.000.000	0	2.200.000.000	9.910.000.000	9.910.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.128.619.809.836</b>	<b>1.128.619.809.836</b>	<b>1.220.418.082.207</b>	<b>1.183.777.226.515</b>	<b>1.165.260.665.528</b>	<b>1.165.260.665.528</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a): Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất từ 8,0%/năm đến 8,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI453860 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp.
- (b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với lãi suất từ 8,0%/năm đến 10,0%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, đất và tài sản trên đất tại Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV.
- (c): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 8,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (d): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,0%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI453861 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp.
- (e): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất 7,5%/năm, được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- (đ): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất 7,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (e): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất 8,2%/năm, được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô Cửu Long.
- (h): Khoản vay Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 theo hai hợp đồng: số 01/2016-HĐHTV/TMT-VT8 ngày 3/5/2016, số tiền 30.000.000.000 đồng và số 02/2016 – HĐHTV/TMT – VT8 ngày 04/5/2016, số tiền 18.000.000.000 đồng với thời hạn vay là 03 tháng đến 04 tháng 8 năm 2016, mục đích để sản xuất kinh doanh, lãi suất vay là 9%/năm.
- (i): Khoản vay ngắn hạn cá nhân với thời hạn vay từ 01 đến 06 tháng, lãi suất từ 6,1% đến 7,1%/năm và được đảm bảo bằng tín chấp.
- (k): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1200-LAV-201500685 ngày 27 tháng 7 năm 2015 tại Agribank – Sở giao dịch với mục đích cải tạo, phục hồi thiết bị vận hành, chạy thử và đưa vào dây chuyền sản ED với thời hạn vay tối đa 04 năm, kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần vào ngày 25, kỳ hạn trả nợ lãi cùng kỳ trả nợ gốc. Lãi suất bằng lãi suất huy động trả sau + 3,7%/năm, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là 01 dây chuyền sản ED.

**13. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>561.075.025.694</b>	<b>561.075.025.694</b>	<b>233.031.591.378</b>	<b>233.031.591.378</b>
- Dongfeng Industrial Motor Co.,Ltd	0	0	35.677.519.200	35.677.519.200
- Guangxi Qinzhou Lishun Machinery Co.,Ltd	330.941.274.960	330.941.274.960	0	0
- Công ty Sinotruck - Hồng Kông	24.812.109.525	24.812.109.525	82.750.497.480	82.750.497.480
- Hubei Tri-ring Special Vehicle Co.,Ltd	5.259.306.533	5.259.306.533	10.708.857.788	10.708.857.788
- Shangdong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	63.118.724.400	63.118.724.400	0	0
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	136.943.610.276	136.943.610.276	103.894.716.910	103.894.716.910
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>561.075.025.694</b>	<b>561.075.025.694</b>	<b>233.031.591.378</b>	<b>233.031.591.378</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**c. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	0	0	1.194.745.916	1.194.745.916
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	6.863.493.324	6.863.493.324	3.200.450.133	3.200.450.133
<b>Cộng</b>	<b>6.863.493.324</b>	<b>6.863.493.324</b>	<b>4.395.196.049</b>	<b>4.395.196.049</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	0	0	0	0	0	0
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	0	0	118.956.287.681	119.948.578.141	992.290.460	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	139.655.172	71.943.574	0	67.711.598
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	79.361.311.011	79.985.827.083	624.516.072	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	19.346.615.589	12.207.173.520	19.032.278.221	0	12.521.510.888
- Thuế thu nhập cá nhân	0	0	8.867.238.979	5.142.681.916	0	3.724.557.063
- Thuế tài nguyên	0	111.996	1.579.953	1.511.949	0	180.000
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	0	1.162.782.199	1.162.782.199	0	0
- Các loại thuế khác	0	0	3.000.000	3.000.000	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>19.346.727.585</b>	<b>220.699.028.515</b>	<b>225.348.603.083</b>	<b>1.616.806.532</b>	<b>16.313.959.549</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>18.480.040.977</b>	<b>9.443.733.935</b>
- Chi phí lãi vay trích trước	986.312.357	1.116.809.667
- Chi phí vận chuyển	3.497.901.474	3.830.929.635
- Chi phí quảng cáo	6.505.272.727	0
- Các khoản trích trước khác	7.490.554.419	4.495.994.633
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>18.480.040.977</b>	<b>9.443.733.935</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.877.132.950</b>	<b>4.672.161.700</b>
- Kinh phí công đoàn	4.490.070.388	4.170.632.728
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	9.126.738	8.047.038
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	377.935.824	493.481.934
<b>b. Dài hạn</b>	<b>15.910.400.000</b>	<b>15.010.400.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15.900.000.000	15.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.400.000	10.400.000
<b>Cộng</b>	<b>20.787.532.950</b>	<b>19.682.561.700</b>

**17. Dự phòng phải trả**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>0</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.500.000.000	0
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>0</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>360.727.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>1.430.213.783</b>	<b>9.373.079.081</b>	<b>311.357.427.104</b>
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) trong năm trước	0	0	0	0	0	189.998.332.362	189.998.332.362
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0
Giảm vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0
Phân phối lợi nhuận năm trước	0	0	0	0	3.732.600.836	(123.996.356.983)	(120.263.756.147)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>360.727.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>5.162.814.619</b>	<b>75.375.054.460</b>	<b>381.092.003.319</b>
Tăng vốn trong kỳ này	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	0	0	0	0	0	47.149.624.633	47.149.624.633
Phân phối lợi nhuận (*)	30.962.890.000	0	0	0	9.331.232.390	(68.287.819.559)	(27.993.697.169)
Tăng/giảm khác do thay đổi tỷ lệ sở hữu	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>339.354.060.000</b>	<b>360.727.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>14.494.047.009</b>	<b>54.236.859.534</b>	<b>400.247.930.783</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

(\*): Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 459/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2016, Công ty phân phối lợi nhuận còn lại năm 2015 như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
Trích quỹ Đầu tư phát triển	9.331.232.390
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	9.331.232.390
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	15.962.890.000
Thưởng Ban điều hành	15.000.000.000
Thưởng cho Tổng Giám đốc do hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch	18.662.464.779
<b>Cộng</b>	<b>68.287.819.559</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ lệ(%)</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
- Tổng Công ty công nghiệp ô tô Việt Nam	66.885.500.000	20	66.501.720.000	22
- Các đối tượng khác	272.468.560.000	80	241.889.450.000	78
<b>Cộng</b>	<b>339.354.060.000</b>	<b>100</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	308.391.170.000	308.391.170.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	30.962.890.000	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	339.354.060.000	308.391.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.962.890.000	0

**d. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.935.406	30.839.117
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.935.406	30.839.117
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.935.406	30.839.117
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.525.706	30.429.417
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.525.706	30.429.417
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	6.191,83	1.679,54
- EUR	61,77	76,09
Nợ khó đòi đã xử lý	11.169.734.400	11.169.734.400

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa	188.389.748.837	494.892.710.502
Doanh thu bán thành phẩm	1.264.047.807.111	1.439.880.782.722
Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	3.296.016.812
<b>Cộng</b>	<b>1.452.437.555.948</b>	<b>1.938.069.510.036</b>

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	44.147.570.453	62.479.190.902
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	0	73.427.273
<b>Cộng</b>	<b>44.147.570.453</b>	<b>62.552.618.175</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
- Chiết khấu thương mại	0	0
- Giảm giá hàng bán	0	0
- Hàng bán bị trả lại	295.454.545	0
<b>Cộng</b>	<b>295.454.545</b>	<b>0</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	188.389.748.837	494.892.710.502
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	1.263.752.352.566	1.439.880.782.722
Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	3.296.016.812
<b>Cộng</b>	<b>1.452.142.101.403</b>	<b>1.938.069.510.036</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	173.581.323.374	428.193.952.920
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.097.410.712.743	1.238.545.542.804
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	0	3.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.270.992.036.117</b>	<b>1.669.939.495.724</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	867.373.597	930.724.999
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	1.574.907.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.145.443.047	518.231.388
<b>Cộng</b>	<b>2.012.816.644</b>	<b>3.023.863.587</b>

**06. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Lãi tiền vay	48.790.789.671	10.651.155.285
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	538.452.613	5.120.885.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.649.982.111	13.088.201.414
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	13.200	(21.600)
- Chi phí tài chính khác	5.703.125	0
<b>Cộng</b>	<b>50.984.940.720</b>	<b>28.860.220.099</b>

**07. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	136.363.636	0
- Tiền phạt thu được	253.869.000	0
- Các khoản khác	227.424.976	76.277.075
<b>Cộng</b>	<b>617.657.612</b>	<b>76.277.075</b>

**08. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Thuế nhập khẩu truy nộp	0	2.105.273.860
- Các khoản khác	178.233.608	22.057.800
<b>Cộng</b>	<b>178.233.608</b>	<b>2.127.331.660</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>25.582.208.128</b>	<b>27.305.749.488</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	11.271.379.646	8.214.108.540
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.033.080.020	73.028.952
- Thuế, phí và lệ phí	6.271.752.879	12.478.143.262
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.777.903.847	5.759.805.375
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	228.091.736	780.663.359
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>47.678.358.933</b>	<b>34.426.835.391</b>
- Chi phí nhân viên	7.449.511.510	1.457.827.500
- Chi phí vận chuyển	9.515.068.047	10.303.138.240
- Chi phí bảo hành	2.939.304.750	607.742.341
- Chi phí trả cho nhân viên đại lý	14.958.302.300	22.051.808.820
- Chi phí quảng cáo	12.244.000.000	0
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.713.750	5.656.500
- Các khoản chi phí bán hàng khác	567.458.576	661.990
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>(315.407.481)</b>
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	0	(315.407.481)
<b>Cộng</b>	<b>73.260.567.061</b>	<b>61.417.177.398</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	12.207.173.520	35.875.004.496
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	0	0
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>12.207.173.520</b>	<b>35.875.004.496</b>

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.381.809.136.508	1.506.697.916.101
- Chi phí nhân công	49.110.633.103	40.862.164.425
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.259.029.618	1.435.587.568
- Chi phí trả cho nhân viên đại lý	16.429.896.530	22.051.808.820
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.011.671.164	35.816.306.301
- Chi phí khác	10.843.522.786	7.082.506.030
<b>Cộng</b>	<b>1.502.463.889.709</b>	<b>1.613.946.289.245</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
<b><i>Ông Bùi Văn Hữu – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</i></b>		
- Vay ngắn hạn	29.070.000.000	0
- Trả nợ vay ngắn hạn	47.170.000.000	0
- Chi phí lãi vay	1.400.163.970	0
- Thương từ lợi nhuận sau thuế	18.662.464.779	0

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Ông Bùi Văn Hữu – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</i></b>		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.100.000.000	37.200.000.000
+ Lãi vay phải trả	407.785.000	942.566.667
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>19.507.785.000</b>	<b>38.142.566.667</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	21.537.727.179	2.946.717.200
<b>Cộng</b>	<b>21.537.727.179</b>	<b>2.946.717.200</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan được thuyết minh tại mục V.02 và VI.01. Ngoài ra, không có giao dịch nào khác phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.05 và V.13 còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4</b>		
- Trả trước cho người bán	9.014.491.463	0
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8</b>		
- Trả trước cho người bán	260.254.733	0
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>9.274.746.196</b>	<b>0</b>
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8</b>		
- Người mua trả tiền trước	3.110.572.274	0
- Vay và nợ ngắn hạn	48.000.000.000	0
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>51.110.572.274</b>	<b>0</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Xây dựng: Xây dựng công trình giao thông;
- Thương mại: Kinh doanh thương mại xe ô tô.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Sản xuất</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>Thương mại</b>	<b>Cộng</b>
<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.263.752.352.566	0	188.389.748.837	1.452.142.101.403
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	1.203.785.874.537	0	189.438.852.717	1.393.224.727.254
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	59.966.478.029	0	(1.049.103.880)	58.917.374.149
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	119.770.779.178	0	11.911.108.223	131.681.887.401
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.185.202.440	0	72.633.493	8.257.835.933
<b>Số dư tại ngày 30/6/2016</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.885.940.873.400	13.643.185.650	255.044.543.968	2.154.628.603.018
- Tài sản không phân bổ				107.378.670.504
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.885.940.873.400</b>	<b>13.643.185.650</b>	<b>255.044.543.968</b>	<b>2.262.007.273.522</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.639.677.581.859	0	209.714.462.904	1.849.392.044.763
- Nợ phải trả không phân bổ				12.367.297.976
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.639.677.581.859</b>	<b>0</b>	<b>209.714.462.904</b>	<b>1.861.759.342.739</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Sản xuất	Xây dựng	Thương mại	Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.439.880.782.722	3.296.016.812	494.892.710.502	1.938.069.510.036
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	1.303.413.770.078	3.289.840.785	450.489.418.771	1.757.193.029.634
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	136.467.012.644	6.176.027	44.403.291.731	180.876.480.402
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	8.029.768.778	0	529.146.507	8.558.915.285
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.540.339.284	0	529.420.694	2.069.759.978
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.372.671.396.602	35.768.232.174	620.008.348.051	2.028.447.976.827
- Tài sản không phân bổ				56.140.452.433
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.372.671.396.602</b>	<b>35.768.232.174</b>	<b>620.008.348.051</b>	<b>2.084.588.429.260</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.210.839.725.794	5.971.721.201	416.170.394.850	1.632.981.841.845
- Nợ phải trả không phân bổ				409.239.688
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.210.839.725.794</b>	<b>5.971.721.201</b>	<b>416.170.394.850</b>	<b>1.633.391.081.533</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.841.656.903	0	22.039.988.783	0	14.841.656.903	22.039.988.783
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.402.536.407	(3.879.688.337)	25.967.265.759	(3.879.688.337)	17.522.848.070	22.087.577.422
Phải thu về cho vay	11.325.500.000	0	14.325.500.000	0	11.325.500.000	14.325.500.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	350.000.000	0	350.000.000	0	350.000.000	350.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.073.530	(645.730)	1.073.530	(632.530)	427.800	441.000
<b>Cộng</b>	<b>47.920.766.840</b>	<b>(3.880.334.067)</b>	<b>62.683.828.072</b>	<b>(3.880.320.867)</b>	<b>44.040.432.773</b>	<b>58.803.507.205</b>

**Giá trị sổ sách**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Giá trị hợp lý	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả cho người bán	561.075.025.694	233.031.591.378	561.075.025.694	233.031.591.378	233.031.591.378
Vay và nợ	1.165.260.665.528	1.128.619.809.836	1.165.260.665.528	1.128.619.809.836	1.128.619.809.836
Chi phí phải trả	18.480.040.977	9.443.733.935	18.480.040.977	9.443.733.935	9.443.733.935
Các khoản phải trả khác	16.288.335.824	15.503.881.934	16.288.335.824	15.503.881.934	15.503.881.934
<b>Cộng</b>	<b>1.761.104.068.023</b>	<b>1.386.599.017.083</b>	<b>1.761.104.068.023</b>	<b>1.386.599.017.083</b>	<b>1.386.599.017.083</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****05. Tài sản đảm bảo*****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10 và V.13). Giá trị sổ sách của tài sản cố định đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2016 là 21.873.311.514 đồng.

***Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác***

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Các khoản cho vay***

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**07. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối kỳ	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
Phải trả cho người bán	561.075.025.694	0	0	561.075.025.694
Vay và nợ	1.155.350.665.528	9.910.000.000	0	1.165.260.665.528
Chi phí phải trả	18.480.040.977	0	0	18.480.040.977
Các khoản phải trả khác	377.935.824	15.910.400.000	0	16.288.335.824
<b>Cộng</b>	<b>1.735.283.668.023</b>	<b>25.820.400.000</b>	<b>0</b>	<b>1.761.104.068.023</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	233.031.591.378	0	0	233.031.591.378
Vay và nợ	1.116.509.809.836	12.110.000.000	0	1.128.619.809.836
Chi phí phải trả	9.443.733.935	0	0	9.443.733.935
Các khoản phải trả khác	493.481.934	15.010.400.000	0	15.503.881.934
<b>Cộng</b>	<b>1.359.478.617.083</b>	<b>27.120.400.000</b>	<b>0</b>	<b>1.386.599.017.083</b>

**08. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Hoàng Thị Loan

Trưởng phòng tài chính kế toán



Ngô Văn Hân

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc




Bùi Văn Hữu